

PHÒNG GD&ĐT THẠNH PHÚ

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN (Áp dụng từ năm học 2010-2011)

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PPCT CẤP THCS (Bộ Giáo dục –Đào tạo)

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2009-2010, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT (*một số phần có sự điều chỉnh so với năm học 2008-2009*).

1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải đủ thời lượng quy định).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

Cách 1: Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

Cách 2: Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng cho HS.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kỳ trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông*.

Lưu ý: Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THCS (THPT, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình (căn cứ chuẩn của chương trình cấp THCS và đối chiếu với hướng dẫn thực hiện của Bộ GDĐT);

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Sử dụng hợp lý SGK khi giảng bài trên lớp, tránh tình trạng yêu cầu HS ghi chép quá nhiều theo lối đọc - chép;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2009-2010, tập trung chỉ đạo đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH các môn học và hoạt động giáo dục, khắc phục tình trạng dạy học theo lối đọc-chép.

5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (như hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN NGỮ VĂN

1. Thực hiện theo thứ tự của các bài trong sách giáo khoa (SGK) và phân phối thời lượng của *Khung phân phối chương trình (KPPCT)*, do SGK Ngữ văn THCS được viết tích hợp chặt chẽ, nếu thay đổi sẽ phá vỡ tính chỉnh thể và gây khó khăn cho việc tích hợp.

2. KPPCT này không phân chia cụ thể thời lượng cho từng bài và từng phân môn. Về cơ bản, thời lượng chia cho cụm bài trong tuần, mỗi cụm bài có 3 phân môn: Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn hoặc chỉ có 2 trong 3 phân môn trên.

3. Trên cơ sở KPPCT và thực tế dạy học ở từng địa phương, Sở GDĐT có thể điều chỉnh một cách hợp lý thời lượng và trình tự của một số bài được sắp xếp liền nhau theo thời lượng dành cho từng cụm bài, nhưng không làm thay đổi tổng số tiết dạy của mỗi học kỳ, cũng như của toàn năm học.

4. Đối với những bài có ghi *Hướng dẫn đọc thêm* (sách giáo khoa ghi là *Tự học có hướng dẫn*), giáo viên cần dành thời lượng nhất định hướng dẫn rất ngắn gọn cách thức đọc - hiểu bài đọc thêm, để học sinh đọc và nắm được giá trị bao trùm về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm (cần được thể hiện trong giáo án).

5. Nếu có những sự khác nhau giữa sách giáo viên và KPPCT này, giáo viên thực hiện theo KPPCT.

6. Có một số bài phải học trong 2 tuần khác nhau (vì phải dành thời lượng để kiểm tra) cần chú ý đến sự nhất quán của bài học, nhắc lại nội dung bài đã thực hiện ở tuần trước.

7. Phần văn học địa phương, nếu chưa chuẩn bị được tài liệu dạy học theo yêu cầu tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009, có thể sử dụng cho ngoại khoá, hoặc toạ đàm với các văn nghệ sĩ ở địa phương hoặc ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng.

8. Các đề kiểm tra và đề Tập làm văn, nếu Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT không yêu cầu đề thống nhất, giáo viên tự soạn theo SGK.

9. Các thiết kế bài giảng (giáo án) dạy học phải bám sát các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng trong Chương trình.

10. Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá vai trò chủ thể sáng tạo của học sinh trong giờ dạy học, chấm dứt tình trạng đọc chép.

11. Đổi mới kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng của môn Ngữ văn, vận dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, tăng cường ra đề kiểm tra theo hướng “mở” nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh. Coi trọng kiểm tra đánh giá kỹ năng diễn đạt và bồi dưỡng tình cảm hứng thú học tập, hạn chế tối đa tình trạng ra đề kiểm tra yêu cầu học sinh học thuộc lòng, nhớ máy móc.

12. Thực hiện yêu cầu giảm tải, không thêm những nội dung nâng cao ngoài SGK. Tập trung hướng dẫn học sinh đạt kết quả cơ bản ghi ở đầu mỗi bài học.

B. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS MÔN NGỮ VĂN

LỚP 6

Cả năm: 37 tuần (140 tiết)

Học kì I: 19 tuần (72 tiết)

Học kì II: 18 tuần (68 tiết)

HỌC KÌ I

TUẦN	TIẾT	BÀI DẠY
Tuần 1		Tiết 1 đến tiết 4
	1	Con Rồng cháu Tiên;
	2	Hướng dẫn đọc thêm: Bánh chưng bánh giầy;
	3	Từ và cấu tạo từ tiếng Việt;
	4	Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt.
Tuần 2		Tiết 5 đến tiết 8
	5	Thánh Gióng;
	6	Từ mượn;
	7,8	Tìm hiểu chung về văn tự sự.
Tuần 3		Tiết 9 đến tiết 12
	9	Sơn Tinh, Thủy Tinh;
	10	Nghĩa của từ;
	11,12	Sự việc và nhân vật trong văn tự sự.
Tuần 4		Tiết 13 đến tiết 16
	13	Hướng dẫn đọc thêm: Sự tích hồ Gươm;
	14	Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự;
	15,16	Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự.
Tuần 5		Tiết 17 đến tiết 20
	17,18	Viết bài Tập làm văn số 1;
	19	Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ;
	20	Lời văn, đoạn văn tự sự.
Tuần 6		Tiết 21 đến tiết 24
	21,22	Thạch Sanh;
	23	Chữa lỗi dùng từ;
	24	Trả bài Tập làm văn số 1.
Tuần 7		Tiết 25 đến tiết 28
	25,26	Em bé thông minh;
	27	Chữa lỗi dùng từ (tiếp);

	28	Kiểm tra Văn.
Tuần 8		<i>Tiết 29 đến tiết 32</i>
	29	Luyện nói kể chuyện;
	30,31	Cây bút thần;
	32	Danh từ.
Tuần 9		<i>Tiết 33 đến tiết 36</i>
	33	Ngôi kể và lời kể trong văn tự sự;
	34,35	Hướng dẫn đọc thêm: Ông lão đánh cá và con cá vàng;
	36	Thứ tự kể trong văn tự sự.
Tuần 10		<i>Tiết 37 đến tiết 40</i>
	37,38	Viết bài Tập làm văn số 2;
	39	Ếch ngồi đáy giếng;
	40	Thầy bói xem voi.
Tuần 11		<i>Tiết 41 đến tiết 44</i>
	41	Danh từ (tiếp);
	42	Trả bài kiểm tra Văn;
	43	Luyện nói kể chuyện;
	44	Cụm danh từ.
Tuần 12		<i>Tiết 45 đến tiết 48</i>
	45	Hướng dẫn đọc thêm: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng;
	46	Kiểm tra Tiếng Việt;
	47	Trả bài Tập làm văn số 2;
	48	Luyện tập xây dựng bài tự sự- Kể chuyện đời thường.
Tuần 13		<i>Tiết 49 đến tiết 52</i>
	49	Viết bài Tập làm văn số 3(hướng dẫn chuẩn bị ở nhà, làm tại lớp);
	50	Treo biển;
	51	Hướng dẫn đọc thêm: Lợn cưới, áo mới;
	52	Số từ và lượng từ
Tuần 14		<i>Tiết 53 đến tiết 56</i>
	53	Kể chuyện tưởng tượng
	54-55	Ôn tập truyện dân gian
	56	Trả bài kiểm tra Tiếng Việt
Tuần 15		<i>Tiết 57 đến tiết 60</i>
	57	Chỉ từ
	58	Luyện tập kể chuyện tưởng tượng;
	59	Hướng dẫn đọc thêm: Con hổ có nghĩa;

	60	Động từ.
Tuần 16		<i>Tiết 61 đến tiết 63</i>
	61	Cụm động từ;
	62	Mẹ hiền dạy con;
	63	Tính từ và cụm tính từ.
Tuần 17		<i>Tiết 64 đến tiết 66</i>
	64	Trả bài Tập làm văn số 3;
	65	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng;
	66	Ôn tập Tiếng Việt.
Tuần 18		<i>Tiết 67 đến tiết 69</i>
	67,68	Kiểm tra học kì I;
	69	Hoạt động Ngữ văn: Thi kể chuyện.
Tuần 19		<i>Tiết 70 đến tiết 72</i>
	70,71	Chương trình Ngữ văn địa phương;
	72	Trả bài kiểm tra học kì I.
		HỌC KÌ II
Tuần 20		<i>Tiết 73 đến tiết 75</i>
	73,74	Bài học đường đời đầu tiên;
	75	Phó từ.
Tuần 21		<i>Tiết 76 đến tiết 78</i>
	76	Tìm hiểu chung về văn miêu tả;
	77	Sông nước Cà Mau;
	78	So sánh.
Tuần 22		<i>Tiết 79 đến tiết 81</i>
	79,80	Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả;
	81	Bức tranh của em gái tôi.
Tuần 23		<i>Tiết 82 đến tiết 84</i>
	82	Bức tranh của em gái tôi (tiếp theo);
	83,84	Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả
Tuần 24		<i>Tiết 85 đến tiết 88</i>
	85	Vượt thác;
	86	So sánh (tiếp);
	87	Chương trình địa phương Tiếng Việt;
	88	Phương pháp tả cảnh;
		Viết bài Tập làm văn tả cảnh (làm ở nhà).
Tuần 25		<i>Tiết 89 đến tiết 92</i>

	89,90	Buổi học cuối cùng;
	91	Nhân hoá;
	92	Phương pháp tả người.
Tuần 26		<i>Tiết 93 đến tiết 96</i>
	93,94	Đêm nay Bác không ngủ;
	95	Ẩn dụ;
	96	Luyện nói về văn miêu tả.
Tuần 27		<i>Tiết 97 đến tiết 100</i>
	97	Kiểm tra Văn;
	98	Trả bài Tập làm văn tả cảnh viết ở nhà;
	99	Lượm;
	100	Hướng dẫn đọc thêm: Mưa.
Tuần 28		<i>Tiết 101 đến tiết 104</i>
	101	Hoán dụ;
	102	Tập làm thơ bốn chữ;
	103.104	Cô Tô.
Tuần 29		<i>Tiết 105 đến tiết 108</i>
	105.106	Viết bài Tập làm văn tả người;
	107	Các thành phần chính của câu;
	108	Thi làm thơ 5 chữ.
Tuần 30		<i>Tiết 109 đến tiết 112</i>
	109	Cây tre Việt Nam;
	110	Câu trần thuật đơn;
	111	Hướng dẫn đọc thêm: Lòng yêu nước;
	112	Câu trần thuật đơn có từ là.
Tuần 31		<i>Tiết 113 đến 116</i>
	113.114	Lao xao;
	115	Kiểm tra Tiếng Việt;
	116	Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn tả người.
Tuần 32		<i>Tiết 117 đến tiết 120</i>
	117	Ôn tập truyện và kí;
	118	Câu trần thuật đơn không có từ là;
	119	Ôn tập văn miêu tả;
	120	Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ.
Tuần 33		<i>Tiết 121 đến tiết 124</i>
	121.122	Viết bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo;

	123	Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử;
	124	Viết đơn.
Tuần 34		<i>Tiết 125 đến tiết 128</i>
	125.126	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ;
	127	Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ (tiếp);
	128	Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi.
Tuần 35		<i>Tiết 129 đến tiết 132</i>
	129	Động Phong Nha;
	130	Ôn tập về dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than);
	131	Ôn tập về dấu câu (Dấu phẩy);
	132	Trả bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo, trả bài kiểm tra Tiếng Việt.
Tuần 36		<i>Tiết 133 đến tiết 136</i>
	133.134	Tổng kết phần Văn và Tập làm văn;
	135	Tổng kết phần Tiếng Việt;
	136	Ôn tập tổng hợp.
Tuần 37		<i>Tiết 137 đến tiết 140</i>
	137.138	Kiểm tra học kì II;
	139.140	Chương trình ngữ văn địa phương

LỚP 7

Cả năm: 37 tuần (140 tiết)

Học kì I: 19 tuần (72 tiết)

Học kì II: 18 tuần (68 tiết)

HỌC KÌ I

Tuần 1		<i>Tiết 1 đến tiết 4</i>
	1	Cổng trường mở ra;
	2	Mẹ tôi;
	3	Từ ghép;
	4	Liên kết trong văn bản.
Tuần 2		<i>Tiết 5 đến tiết 8</i>
	5,6	Cuộc chia tay của những con búp bê;
	7	Bố cục trong văn bản;
	8	Mạch lạc trong văn bản.
Tuần 3		<i>Tiết 9 đến tiết 12</i>

	9	Những câu hát về tình cảm gia đình;
	10	Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người;
	11	Từ láy;
	12	Quá trình tạo lập văn bản;
		Viết bài Tập làm văn số 1 học sinh làm ở nhà.
Tuần 4		<i>Tiết 13 đến tiết 16</i>
	13	Những câu hát than thân;
	14	Những câu hát châm biếm;
	15	Đại từ;
	16	Luyện tập tạo lập văn bản.
Tuần 5		<i>Tiết 17 đến tiết 20</i>
	17	Sông núi nước Nam, Phò giá về kinh;
	18	Từ Hán Việt;
	19	Trả bài Tập làm văn số 1;
	20	Tìm hiểu chung về văn biểu cảm.
Tuần 6		<i>Tiết 21 đến tiết 24</i>
	21	Côn Sơn ca;
	21	Hướng dẫn đọc thêm: Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra;
	22	Từ Hán Việt (tiếp);
	23	Đặc điểm văn bản biểu cảm;
	24	Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.
Tuần 7		<i>Tiết 25 đến tiết 28</i>
	25	Bánh trôi nước;
	26	Hướng dẫn đọc thêm: Sau phút chia li;
	27	Quan hệ từ;
	28	Luyện tập cách làm văn bản biểu cảm.
Tuần 8		<i>Tiết 29 đến tiết 32</i>
	29	Qua đèo Ngang;
	30	Bạn đến chơi nhà;
	31,32	Viết bài Tập làm văn số 2.
Tuần 9		<i>Tiết 33 đến tiết 36</i>
	33	Chữa lỗi về quan hệ từ;
	34	Hướng dẫn đọc thêm: Xa ngắm thác núi Lư;
	35	Từ đồng nghĩa;
	36	Cách lập ý của bài văn biểu cảm.
Tuần 10		<i>Tiết 37 đến tiết 40</i>

	37	Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Tĩnh dạ tứ);
	38	Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư);
	39	Từ trái nghĩa;
	40	Luyện nói: Văn biểu cảm về sự vật, con người.
Tuần 11		<i>Tiết 41 đến tiết 44</i>
	41	Bài ca nhà tranh bị gió thu phá;
	42	Kiểm tra Văn;
	43	Từ đồng âm;
	44	Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.
Tuần 12		<i>Tiết 45 đến tiết 48</i>
	45	Cảnh khuya, Rằm tháng giêng;
	46	Kiểm tra Tiếng Việt;
	47	Trả bài Tập làm văn số 2;
	48	Thành ngữ.
Tuần 13		<i>Tiết 49 đến tiết 52</i>
	49	Trả bài kiểm tra Văn, bài kiểm tra Tiếng Việt;
	50	Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học;
	51,52	Viết bài Tập làm văn số 3.
Tuần 14		<i>Tiết 53 đến tiết 56</i>
	53,54	Tiếng gà trưa;
	55	Điệp ngữ;
	56	Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.
Tuần 15		<i>Tiết 57 đến tiết 60</i>
	57	Một thứ quà của lúa non: Cốm;
	58	Trả bài Tập làm văn số 3;
	59	Chơi chữ;
	60	Làm thơ lục bát.
Tuần 16		<i>Tiết 61 đến tiết 63</i>
	61	Chuẩn mực sử dụng từ;
	62	Ôn tập văn bản biểu cảm;
	63	Mùa xuân của tôi.
Tuần 17		<i>Tiết 64 đến tiết 66</i>
	64	Hướng dẫn đọc thêm: Sài Gòn tôi yêu;
	65	Luyện tập sử dụng từ;
	66	Ôn tập tác phẩm trữ tình.
Tuần 18		<i>Tiết 67 đến tiết 69</i>

	67	Ôn tập tác phẩm trữ tình (tiếp);
	68	Ôn tập Tiếng Việt
	68	Ôn tập Tiếng Việt (tiếp);
	69	Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.
Tuần 19		<i>Tiết 70 đến tiết 72</i>
	70,71	Kiểm tra học kì I;
	72	Trả bài kiểm tra kì I.
		HỌC KÌ II
Tuần 20		<i>Tiết 73 đến tiết 75</i>
	73	Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất;
	74	Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn;
	75	Tìm hiểu chung về văn nghị luận.
Tuần 21		<i>Tiết 76 đến tiết 78</i>
	76	Tìm hiểu chung về văn nghị luận (tiếp);
	77	Tục ngữ về con người và xã hội;
	78	Rút gọn câu.
Tuần 22		<i>Tiết 79 đến tiết 81</i>
	79	Đặc điểm của văn bản nghị luận;
	80	Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận;
	81	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
Tuần 23		<i>Tiết 82 đến tiết 84</i>
	82	Câu đặc biệt;
	83	Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận;
	84	Luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận.
Tuần 24		<i>Tiết 85 đến tiết 88</i>
	85,86	Sự giàu đẹp của tiếng Việt;
	87	Thêm trạng ngữ cho câu;
	88	Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh.
Tuần 25		<i>Tiết 89 đến tiết 92</i>
	89	Thêm trạng ngữ cho câu (tiếp);
	90	Kiểm tra Tiếng Việt;
	91	Cách làm bài văn lập luận chứng minh;
	92	Luyện tập lập luận chứng minh.
Tuần 26		<i>Tiết 93 đến tiết 96</i>
	93	Đức tính giản dị của Bác Hồ;
	94	Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động;

	95,96	Viết bài Tập làm văn số 5 tại lớp.
Tuần 27		<i>Tiết 97 đến tiết 100</i>
	97	Ý nghĩa văn chương;
	98	Kiểm tra Văn;
	99	Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động (tiếp);
	100	Luyện tập viết đoạn văn chứng minh.
Tuần 28		<i>Tiết 101 đến tiết 104</i>
	101	Ôn tập văn nghị luận;
	102	Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu;
	103	Trả bài Tập làm văn số 5, trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn;
	104	Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích.
Tuần 29		<i>Tiết 105 đến tiết 108</i>
	105.106	Sống chết mặc bay;
	107	Cách làm bài văn lập luận giải thích;
	108	Luyện tập lập luận giải thích;
		Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.
Tuần 30		<i>Tiết 109 đến tiết 112</i>
	109.110	Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu;
	111	Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu. Luyện tập (tiếp);
	112	Luyện nói: Bài văn giải thích một vấn đề.
Tuần 31		<i>Tiết 113 đến tiết 116</i>
	113	Ca Huế trên sông Hương;
	114	Liệt kê;
	115	Tìm hiểu chung về văn bản hành chính;
	116	Trả bài Tập làm văn số 6.
Tuần 32		<i>Tiết 117 đến tiết 120</i>
	117.118	Quan Âm Thị Kính;
	119	Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy;
	120	Văn bản đề nghị.
Tuần 33		<i>Tiết 121 đến tiết 124</i>
	121	Ôn tập Văn học;
	122	Dấu gạch ngang;
	123	Ôn tập Tiếng Việt;
	124	Văn bản báo cáo.
Tuần 34		<i>Tiết 125 đến tiết 128</i>
	125.126	Luyện tập làm văn bản đề nghị và báo cáo;

	127.128	Ôn tập Tập làm văn.
Tuần 35		<i>Tiết 129 đến tiết 132</i>
	129	Ôn tập Tiếng Việt (tiếp);
	130	Hướng dẫn làm bài kiểm tra;
	131.132	Kiểm tra học kì II.
Tuần 36		<i>Tiết 133 đến tiết 136</i>
	133.134	Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn (tiếp);
	135.136	Hoạt động Ngữ văn.
Tuần 37		<i>Tiết 137 đến tiết 140</i>
	137.138	Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;
	139.140	Trả bài kiểm tra học kì II.

LỚP 8

Cả năm: 37 tuần (140 tiết)

Học kì I: 19 tuần (72 tiết)

Học kì II: 18 tuần (68 tiết)

HỌC KÌ I

Tuần 1		<i>Tiết 1 đến tiết 4</i>
	1,2	Tôi đi học;
	3	Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ;
	4	Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.
Tuần 2		<i>Tiết 5 đến tiết 8</i>
	5,6	Trong lòng mẹ;
	7	Trường từ vựng;
	8	Bố cục của văn bản.
Tuần 3		<i>Tiết 9 đến tiết 12</i>
	9,10	Tức nước vỡ bờ;
	11	Xây dựng đoạn văn trong văn bản;
	12	Viết bài Tập làm văn số 1 (hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà, làm tại lớp).
Tuần 4		<i>Tiết 13 đến tiết 16</i>
	13,14	Lão Hạc;
	15	Từ tượng hình, từ tượng thanh;
	16	Liên kết các đoạn văn trong văn bản.
Tuần 5		<i>Tiết 17 đến tiết 20</i>
	17	Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội;

	18	Tóm tắt văn bản tự sự;
	19	Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự;
	20	Trả bài Tập làm văn số 1.
Tuần 6		<i>Tiết 21 đến tiết 24</i>
	21,22	Cô bé bán diêm;
	23	Trợ từ, thán từ;
	24	Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.
Tuần 7		<i>Tiết 25 đến tiết 28</i>
	25,26	Đánh nhau với cối xay gió;
	27	Tình thái từ;
	28	Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.
Tuần 8		<i>Tiết 29 đến tiết 32</i>
	29,30	Chiếc lá cuối cùng;
	31	Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt);
	32	Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.
Tuần 9		<i>Tiết 33 đến tiết 36</i>
	33,34	Hai cây phong;
	35,36	Viết bài Tập làm văn số 2.
Tuần 10		<i>Tiết 37 đến tiết 40</i>
	37	Nói quá;
	38	Ôn tập truyện kí Việt Nam;
	39	Thông tin về ngày trái đất năm 2000;
	40	Nói giảm, nói tránh.
Tuần 11		<i>Tiết 41 đến tiết 44</i>
	41	Kiểm tra Văn;
	42	Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm;
	43	Câu ghép;
	44	Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh.
Tuần 12		<i>Tiết 45 đến tiết 48</i>
	45	Ôn dịch thuốc lá;
	46	Câu ghép (tiếp);
	47	Phương pháp thuyết minh;
	48	Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn số 2.
Tuần 13		<i>Tiết 49 đến tiết 52</i>
	49	Bài toán dân số;
	50	Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm;

	51	Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh;
	52	Chương trình địa phương (phần Văn).
Tuần 14		<i>Tiết 53 đến tiết 56</i>
	53	Dấu ngoặc kép;
	54	Luyện nói: Thuyết minh một thứ đồ dùng;
	55,56	Viết bài Tập làm văn số 3.
Tuần 15		<i>Tiết 57 đến tiết 60</i>
	57	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác;
	58	Đập đá ở Côn Lôn;
	59	Ôn luyện về dấu câu;
	60	Kiểm tra Tiếng Việt.
Tuần 16		<i>Tiết 61 đến tiết 63</i>
	61	Thuyết minh một thể loại văn học;
	62	Hướng dẫn đọc thêm: Muốn làm thằng Cuội;
	63	Ôn tập Tiếng Việt.
Tuần 17		<i>Tiết 64 đến tiết 66</i>
	64	Trả bài Tập làm văn số 3;
	65	Ông đồ;
	66	Hướng dẫn đọc thêm: Hai chữ nước nhà.
Tuần 18		<i>Tiết 67 đến tiết 69</i>
	67	Trả bài kiểm tra Tiếng Việt;
	68,69	Kiểm tra học kì I.
Tuần 19		<i>Tiết 70 đến tiết 72</i>
	70,71	Hoạt động ngữ văn: Làm thơ 7 chữ;
	72	Trả bài kiểm tra học kì I.
		HỌC KÌ II
Tuần 20		<i>Tiết 73 đến tiết 75</i>
	73,74	Nhớ rừng;
	75	Câu nghi vấn.
Tuần 21		<i>Tiết 76 đến tiết 78</i>
	76	Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh.
	77	Quê hương;
	78	Khi con tu hú.
Tuần 22		<i>Tiết 79 đến tiết 81</i>
	79	Câu nghi vấn (tiếp);
	80	Thuyết minh về một phương pháp (cách làm);

	81	Tức cảnh Pác Bó.
Tuần 23		<i>Tiết 82 đến tiết 84</i>
	82	Câu cầu khiến;
	83	Thuyết minh một danh lam thắng cảnh;
	84	Ôn tập về văn bản thuyết minh.
Tuần 24		<i>Tiết 85 đến tiết 88</i>
	85	Ngắm trăng, Đi đường;
	86	Câu cảm thán;
	87,88	Viết bài Tập làm văn số 5.
Tuần 25		<i>Tiết 89 đến tiết 92</i>
	89	Câu trần thuật;
	90	Chiều dờn đờ;
	91	Câu phủ định;
	92	Chương trình địa phương (phần Tập làm văn).
Tuần 26		<i>Tiết 93 đến tiết 96</i>
	93,94	Hịch tướng sĩ;
	95	Hành động nói;
	96	Trả bài Tập làm văn số 5.
Tuần 27		<i>Tiết 97 đến tiết 100</i>
	97	Nước Đại Việt ta;
	98	Hành động nói (tiếp);
	99	Ôn tập về luận điểm;
	100	Viết đoạn văn trình bày luận điểm.
Tuần 28		<i>Tiết 101 đến tiết 104</i>
	101	Bàn luận về phép học;
	102	Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm;
	103.104	Viết bài Tập làm văn số 6.
Tuần 29		<i>Tiết 105 đến tiết 108</i>
	105.106	Thuế máu;
	107	Hội thoại;
	108	Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.
Tuần 30		<i>Tiết 109 đến tiết 112</i>
	109.110	Đi bộ ngao du;
	111	Hội thoại (tiếp);
	112	Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.
Tuần 31		<i>Tiết 113 đến tiết 116</i>

	113	Kiểm tra Văn;
	114	Lựa chọn trật tự từ trong câu;
	115	Trả bài Tập làm văn số 6;
	116	Tìm hiểu về các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.
Tuần 32		<i>Tiết 117 đến tiết 120</i>
	117.118	Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục;
	119	Lựa chọn trật tự từ trong câu (luyện tập);
	120	Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.
Tuần 33		<i>Tiết 121 đến tiết 124</i>
	121	Chương trình địa phương (phần Văn);
	122	Chữa lỗi diễn đạt (lỗi logic);
	123.124	Viết bài Tập làm văn số 7.
Tuần 34		<i>Tiết 125 đến tiết 128</i>
	125	Tổng kết phần Văn;
	126	Ôn tập phần Tiếng Việt học kì II;
	127	Văn bản tường trình;
	128	Luyện tập làm văn bản tường trình.
Tuần 35		<i>Tiết 129 đến tiết 132</i>
	129	Trả bài kiểm tra Văn;
	130	Kiểm tra Tiếng Việt;
	131	Trả bài Tập làm văn số 7;
	132	Tổng kết phần Văn.
Tuần 36		<i>Tiết 133 đến tiết 136</i>
	133	Tổng kết phần Văn (tiếp);
	134	Ôn tập phần Tập làm văn;
	135.136	Kiểm tra học kì II.
Tuần 37		<i>Tiết 137 đến tiết 140</i>
	137	Văn bản thông báo;
	138	Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;
	139	Luyện tập làm văn bản thông báo;
	140	Trả bài kiểm tra học kì II.

LỚP 9

Cả năm: 37 tuần (175 tiết)

Học kì I: 19 tuần (90 tiết)

Học kì II: 17 tuần (85 tiết)

HỌC KÌ I

Tuần 1		<i>Tiết 1 đến tiết 5</i>
	1,2	Phong cách Hồ Chí Minh;
	3	Các phương châm hội thoại;
	4	Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh;
	5	Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
Tuần 2		<i>Tiết 6 đến tiết 10</i>
	6,7	Đấu tranh cho một thế giới hoà bình;
	8	Các phương châm hội thoại (tiếp);
	9	Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh;
	10	Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.
Tuần 3	11,12	<i>Tiết 11 đến tiết 15</i>
	13	Tuyên bố thế giới về... trẻ em;
	14	Các phương châm hội thoại (tiếp);
	15	Viết bài Tập làm văn số 1.
Tuần 4		<i>Tiết 16 đến tiết 20</i>
	16'17	Chuyện người con gái Nam Xương;
	18	Xưng hô trong hội thoại;
	19	Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp;
	20	Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự.
Tuần 5		<i>Tiết 21 đến tiết 25</i>
	21	Sự phát triển của từ vựng;
	22	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh;
	23,24	Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14);
	25	Sự phát triển của từ vựng (tiếp).
Tuần 6		<i>Tiết 26 đến tiết 30</i>
	26	Truyện Kiều của Nguyễn Du;
	27	Chị em Thuý Kiều;
	28	Cảnh ngày xuân;
	29	Thuật ngữ;
	30	Trả bài Tập làm văn số 1.
Tuần 7		<i>Tiết 31 đến tiết 35</i>
	31	Kiều ở lầu Ngưng Bích;
	32	Miêu tả trong văn bản tự sự;
	33	Trau dồi vốn từ;

	34,35	Viết bài Tập làm văn số 2.
Tuần 8		<i>Tiết 36 đến tiết 40</i>
	36,37	Mã Giám Sinh mua Kiều;
	38,39	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga;
	40	Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.
Tuần 9		<i>Tiết 41 đến tiết 45</i>
	41	Lục Vân Tiên gặp nạn;
	42	Chương trình địa phương phần Văn;
	43	Tổng kết về từ vựng (Từ đơn, từ phức,... Từ nhiều nghĩa);
	44	Tổng kết về từ vựng (Từ đồng âm,... Trường từ vựng);
	45	Trả bài Tập làm văn số 2.
Tuần 10		<i>Tiết 46 đến tiết 50</i>
	46	Đồng chí;
	47	Bài thơ về tiểu đội xe không kính;
	48	Kiểm tra truyện trung đại;
	49	Tổng kết về từ vựng (Sự phát triển của từ vựng,... Trau dồi vốn từ);
	50	Nghị luận trong văn bản tự sự.
Tuần 11		<i>Tiết 51 đến tiết 55</i>
	51,52	Đoàn thuyền đánh cá;
	53	Tổng kết về từ vựng (Từ tượng thanh, tượng hình, một số phép tu từ từ vựng);
	54	Tập làm thơ tám chữ;
	55	Trả bài kiểm tra Văn.
Tuần 12		<i>Tiết 56 đến tiết 60</i>
	56	Bếp lửa;
	57	Hướng dẫn đọc thêm: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ;
	58	Ánh trăng;
	59	Tổng kết về từ vựng (Luyện tập tổng hợp);
	60	Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.
Tuần 13		<i>Tiết 61 đến tiết 65</i>
	61,62	Làng;
	63	Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;
	64	Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự;
	65	Luyện nói: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.
Tuần 14		<i>Tiết 66 đến tiết 70</i>
	66,67	Lặng lẽ Sa Pa;
	68,69	Viết bài Tập làm văn số 3;

	70	Người kể chuyện trong văn bản tự sự.
Tuần 15		<i>Tiết 71 đến tiết 74</i>
	71,72	Chiếc lược ngà;
	73	Ôn tập Tiếng Việt (Các phương châm hội thoại,... Cách dẫn gián tiếp);
	74	Kiểm tra Tiếng Việt.
Tuần 16		<i>Tiết 75 đến tiết 78</i>
	75	Kiểm tra thơ và truyện hiện đại;
	76,77,78	Cố hương.
Tuần 17		<i>Tiết 79 đến tiết 82</i>
	79	Trả bài Tập làm văn số 3;
	80,81	Trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn;
	82	Ôn tập Tập làm văn.
Tuần 18		<i>Tiết 83 đến tiết 86</i>
	83,84	Ôn tập Tập làm văn (tiếp);
	85,86	Kiểm tra học kì I.
Tuần 19		<i>Tiết 87 đến tiết 90</i>
	87,88	Tập làm thơ tám chữ (tiếp tiết 54);
	89	Hướng dẫn đọc thêm: Những đứa trẻ;
	90	Trả bài kiểm tra học kì I.
		HỌC KÌ II
Tuần 20		<i>Tiết 91 đến tiết 94</i>
	91,92	Bàn về đọc sách;
	93	Khởi ngữ;
	94	Phép phân tích và tổng hợp.
Tuần 21		<i>Tiết 95 đến tiết 98</i>
	95	Luyện tập phân tích và tổng hợp.
	96,97	Tiếng nói của văn nghệ;
	98	Các thành phần biệt lập.
Tuần 22		<i>Tiết 99 đến tiết 102</i>
	99	Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống;
	100,101	Cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống;
	102	Hướng dẫn chuẩn bị cho chương trình địa phương phần Tập làm văn (sẽ làm ở nhà).
Tuần 23		<i>Tiết 103 đến tiết 106</i>
	103	Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới;

	104	Các thành phần biệt lập (tiếp);
	105	Viết bài Tập làm văn số 5;
	106	Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong-ten.
Tuần 24		<i>Tiết 107 đến tiết 110</i>
	107	Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong-ten (tiếp);
	108	Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí;
	109	Liên kết câu và liên kết đoạn văn;
	110	Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập).
Tuần 25		<i>Tiết 111 đến tiết 115</i>
	111.112	Hướng dẫn đọc thêm: Con cò;
	113.114	Cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí;
	115	Trả bài Tập làm văn số 5.
Tuần 26		<i>Tiết 116 đến tiết 120</i>
	116	Mùa xuân nho nhỏ;
	117	Viếng lăng Bác;
	118	Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích);
	119	Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích);
	120	Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích); Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.
Tuần 27		<i>Tiết 121 đến tiết 125</i>
	121	Sang thu;
	122	Nói với con;
	123	Nghĩa tường minh và hàm ý;
	124	Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ;
	125	Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
Tuần 28		<i>Tiết 126 đến tiết 130</i>
	126	Mây và sóng;
	127	Ôn tập về thơ;
	128	Nghĩa tường minh và hàm ý (tiếp);
	129	Kiểm tra Văn (phần thơ);
	130	Trả bài Tập làm văn số 6.
Tuần 29		<i>Tiết 131 đến tiết 135</i>
	131.132	Tổng kết phần văn bản nhật dụng;
	133	Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt);
	134.135	Viết bài Tập làm văn số 7.
Tuần 30		<i>Tiết 136 đến tiết 140</i>

	136.137	Hướng dẫn đọc thêm: Bến quê;
	138.139	Ôn tập Tiếng Việt lớp 9;
	140	Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
Tuần 31		<i>Tiết 141 đến tiết 145</i>
	141.142	Những ngôi sao xa xôi;
	143	Chương trình địa phương (phần Tập làm văn);
	144	Trả bài Tập làm văn số 7;
	145	Biên bản.
Tuần 32		<i>Tiết 146 đến tiết 150</i>
	146	Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang;
	147.148	Tổng kết về ngữ pháp;
	149	Luyện tập viết biên bản;
	150	Hợp đồng.
Tuần 33		<i>Tiết 151 đến tiết 155</i>
	151.152	Bồ của Xi mông;
	153	Ôn tập về truyện;
	154	Tổng kết về ngữ pháp (tiếp);
	155	Kiểm tra Văn (phần truyện).
Tuần 34		<i>Tiết 156 đến tiết 160</i>
	156	Con chó Bắc;
	157	Kiểm tra Tiếng Việt;
	158	Luyện tập viết hợp đồng;
	159.160	Tổng kết Văn học nước ngoài.
Tuần 35		<i>Tiết 161 đến tiết 165</i>
	161.162	Bắc Sơn;
	163.164	Tổng kết Tập làm văn;
	165	Tôi và chúng ta.
Tuần 36		<i>Tiết 166 đến tiết 170</i>
	166.167	Tôi và chúng ta (tiếp);
	168.169	Tổng kết Văn học;
	170	Trả bài kiểm tra Văn, Tiếng Việt.
Tuần 37		<i>Tiết 171 đến tiết 175</i>
	171.172	Kiểm tra học kì II;
	173.174	Thư, điện;
	175	Trả bài kiểm tra học kì II.


 Nguyễn Ngọc Cảnh

➤ **Lưu ý:**

-Ở các lớp 6,7,8 có 08 tuần được giảm 01 tiết, lớp 9 có 10 tuần được giảm 01 tiết, đây là qui định giảm tải, giáo viên có thể sử dụng những tiết này để ôn tập, làm bài tập củng cố kiến thức không được tự ý dạy bài mới.

-Thời lượng mỗi bài tổ bộ môn có thể thống nhất thay đổi cho phù hợp nhưng phải đảm bảo đủ kiến thức chuẩn, không được cắt xén hoặc tăng thêm lượng kiến thức mới.